

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **273/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 19 tháng 8 năm 2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa bà  
Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá K”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm.*

*Bà Ma Thị Thu Loan.*

- *Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.*

Ngày 19/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2020 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020; Thông báo thay đổi ngày giờ xét xử vụ án số 01/TB-TA ngày 10/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà (Phạm Thị H) và ông Nguyễn Bá K kết hôn với nhau vào ngày 14/11/2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở hai bên đều tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống cùng nhau ở thôn Đ, xã Đ, huyện S. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt. Vợ chồng ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa hợp được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, ông bà đã ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Bá K có một con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2007, hiện cháu Tuấn A đang ở cùng bà. Sau khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuấn A, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Bá K không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Bá K đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông K đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: ông Nguyễn Bá K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đồng Nương, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay ông K đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà; ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới thì vợ chồng ông K, bà H sinh sống, làm ăn tại thôn Đồng Nương, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ly thân từ năm 2007 đến nay. Về con chung: Ông K và bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2007, hiện cháu Tuấn A đang ở cùng bà H tại thôn Trại Mít, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho bà Phạm Thị H ly hôn với ông Nguyễn Bá K; Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2007 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Ông Nguyễn Bá K có hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Nương, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông K đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ ông K đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình đã thông báo cho ông K nhưng ông K vẫn không về để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông K không đến Tòa làm việc và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2007 đến nay ông bà đã ly thân và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H là xử cho bà H ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Bá K 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2007. Hiện cháu Tuấn A đang ở cùng bà H. Sau khi ly hôn bà H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Tuấn A có nguyện vọng được ở cùng bà Phạm Thị H, còn ông K hiện nay không có nơi cư trú ổn định nên cần giao cháu Nguyễn Tuấn A cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản và vay nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định vợ chồng không có tài sản và vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/5/2007 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông K không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003301 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông Nguyễn Bá K không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bàn Văn Thế**